

## CUỘC ĐÒI PHẬT

Chuyện kể rằng ...

Tại thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu), nước Thích Ca (Sakya), Ấn Độ .Vua Tịnh Phạn tuổi đã xế chiều, nóng ruột có con đê nối dõi.

Một đêm, Hoàng hậu Maya nằm mơ, thấy bốn Thiên thần cùng bà, đi đến hồ Anotatta bên dãy Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya). Bà đắm mình trong hồ Anotatta có làn nước trong veo, mát lạnh. Sau khi tắm trong hồ, các thiên thần đã mặc cho bà bộ quần áo lụa đẹp lộng lẫy chưa từng thấy ở cõi đời. Và rồi, những cánh tay thiên thần đưa lên, từ những lòng bàn tay tuyệt đẹp, nước hoa phủ lên người bà, thơm ngậy ngát ... Khi những Thiên Thần chỉ còn như làn khói sương tan biến, một con voi trắng, sáu ngà, vòi cuộn cành hoa sen trắng, từ trời cao bay xuống, chui vào hông bà. Một cảm giác thanh tịnh, an lạc lạ thường ... bà thấy người mình được thấp sáng lên, rực rỡ ...

Hoàng hậu Maya mang thai.

Theo phong tục Ấn Độ lúc bấy giờ, bà phải về quê hương của mình để hạ sinh hài nhi. Vua Tịnh Phạn cho lập một đoàn tùy tùng và cả một đội quân hộ tống Hoàng hậu Maya về thủ đô vương quốc Koliya, nơi vua cha bà, Anjana, đang trị vì .

Trên đường về, khi đi ngang qua vườn Lâm tỳ ni (Lumbini), gần vương quốc Nepal, dưới chân dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, bà cho lệnh dừng chân nghỉ. Bà đi dạo, trong vườn có rất nhiều cây Vô ưu tỏa bóng mát. Bà đến, đúng lúc cây Vô ưu nở hoa. Đây là điều cực hiếm. Cổ nhân nói, hoa này ba ngàn năm mới nở một lần, khi hoa nở ắt có bậc siêu phàm ra đời. Bà vươn tay hái một bông hoa, ngay khi ấy, bà chuyển dạ và nhẹ nhàng hạ sinh Thái tử. Cùng lúc, từ trời cao, chín con rồng bay xuống, phun nước ấm tắm Thái tử. Các Thiên thần hiện ra, thổi nhạc, rắc hương, rải hoa mừng đấng Giác ngộ giáng thế.

Lạ lùng thay, ngay sau đó, Thái tử đứng dậy, bước đi bảy bước . Mỗi dấu chân Ngài đi qua, nơi đó nở một đóa hoa sen. Đến bước thứ bảy, Ngài dừng lại, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất nói: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn".

Vua Tịnh Phạn đã đặt tên Thái tử là Tất Đạt Đa (Siddhartha), theo họ Cồ Đàm (Gautama), nối dõi dòng tộc, được lấy tên nước là Thích Ca (Sakya).

Bảy ngày sau khi sinh Tất Đạt Đa, Hoàng hậu Maya mất. Người em gái của Hoàng hậu Maya, Kiều Đàm Di (Mahāpajāpatī Gotamī), thay chị, chăm sóc nuôi dạy Tất Đạt Đa.

Hoàng hậu Maya mất sau khi sinh bảy ngày, bởi bà đã sinh ra một vị Phật. Sinh ra một vị Phật là phước báo rất lớn, nhờ phước báo lớn ấy, bà rũ bỏ được thân xác ô trược, trở thành vị thần trên cõi trời Đâu Suất, bà có tên là Ma Da Đức Ngoa Phổ Đa (Māyādevaputta), bà tạm thời, không còn phải chịu những cảnh khổ sanh, lão, bệnh, tử nơi trần thế.

000

Thái tử Tất Đạt Đa, tướng mạo đẹp đẽ khác thường, trí tuệ thông minh vượt bậc, Ngài không chỉ học đâu nhớ đấy, có những điều thầy dạy một, Thái tử hiểu đến mười.

Vua Tịnh Phạn có được Thái tử Tất Đạt Đa, tựa như có được vật báu, trên tất cả mọi vật

báu. Ông thật sự mẫn nguyện, thật sự yên tâm về người kế vị ngai vàng của ngài.

Nước Thích Ca (Sakya), sau này gọi là Bang Thích Ca (Sakya), là một nước giàu có và hùng mạnh đứng hàng trung bình, trong tổng cộng mười sáu nước của Ấn Độ .

Vua Tịnh Phạn đã cho xây dựng ba lâu đài, lâu đài mùa Xuân, lâu đài mùa Thu, lâu đài mùa Đông, nguy nga tráng lệ, dành riêng cho Tát Đạt Đa.

Trong vườn thênh thênh, ông cho đào cái đầm trồng sen rộng lớn. Khi sen xanh khoe sắc ở góc đầm bên này, sen đỏ rực rỡ phía bên kia, giữa đầm, sen trắng lấp lánh ...

Cung điện tràn ngập mùi Trâm hương. Đó là loại trâm thượng hảo hạng từ xứ Ca Tây (Kāsi) nổi tiếng đưa về.

Khăn và xiêm áo của Thái tử được may bằng lụa bạc nhất, cũng từ xứ Ca Tây danh tiếng mang đến.

Vua Tịnh Phạn cho tuyển chọn những cung nữ đẹp nhất nước, hát hay, múa giỏi về giúp Thái tử giải khuây.

Song, thật khác thường, Thái tử Tất Đạt Đa đứng dưng trước những điều vua cha làm cho chàng. Điều này khiến Vua Tịnh Phạn vừa hoang mang, vừa hết sức lo lắng.

Ông chỉ còn cách nhắm đến việc lấy vợ cho Tất Đạt Đa.

Năm lên mười tám, Tất-đạt-đa kết hôn với Da Du Đà La (Yasodharā), công chúa nước Khoa Lợi (Koli).

Da Du Đà La là giai nhân tuyệt sắc, tính tình đoan chính, thùy mị, nét na.

Từ rất xa xưa, cách đây nhiều đại kiếp, Da Du Đà La khi đó có tên là Trụ Điền (Sumita) và Tất Đạt Đa là tu sĩ Thiện Huệ (Sumedha). Hai người là đôi bạn ý hợp tâm đầu. Nàng Sumita đã phát nguyện: đời đời kiếp kiếp về sau sẽ luôn là bạn đời của Thiện Huệ, trợ giúp chàng trong muôn kiếp luân hồi cho tới khi chàng đạt quả đạo Phật.

Thời gian lặng lẽ trôi ...

Những tưởng cuộc sống của Tất Đạt Đa như vậy là êm xuôi ... Kỳ thực, trong lòng Tất Đạt Đa luôn trĩu nặng ...

Đã nhiều lần rồi, Da Du Đà La thấy chồng mình thức dậy lúc nửa đêm. Chàng ra hàng hiên ngồi. Trước mặt là chậu hoa cúc trắng. Thoạt nhìn, tưởng chàng ngắm hoa, song, chàng ngồi bất động, mắt gởi vào khoảng không ...

- Chàng có điều ưu phiền chăng ?

- À ... ừ ...

- Thiếp làm chàng buồn lòng chăng ?

- Không, không ! Da Du Đà La, nàng rất tốt với ta !

- Vậy có điều gì, thiếp biết được không ?

- À ... ừ ...

- ...

- Da Du Đà La, những lần ra công thành, ta định vui thú dạo chơi ... nhưng, bốn lần ra bốn công thành ta đều bắt gặp cảnh khổ. Sanh, khổ vì sanh. Già, khổ vì già. Bệnh, khổ vì bệnh. Chết, khổ vì chết ...

- ...

- Ta muốn đi tìm những điều gì đã sinh ra khổ ? Và ta cũng muốn đi tìm cách nào diệt trừ những điều đã sinh ra khổ.

Từ trong sâu thẳm tâm hồn Da Du Đà La, thoát ra sự đồng cảm, thấu hiểu kỳ lạ những gì Tất Đạt Đa đang mang nặng trong lòng. Cũng từ trong sâu thẳm tâm hồn Da Du Đà La, thoát ra tình yêu bao la ... tình yêu rộng

lớn và mãnh liệt ... đến mức, nàng mong muốn có thể ôm Tất Đạt Đa vào lòng, vỗ về, như dỗ dành đứa trẻ La Hầu La, mới sinh. Vậy mà, nàng chỉ đứng yên, mặc cho hai giọt lệ ứa ra từ hai khóe mắt ...

- Chàng đi ... đi ... tìm ... bằng cách nào ? Giọng của Da Du Đà La run run.
- Ta cũng chưa biết được.
- Các công thành quân lính canh giữ nghiêm ngặt.
- Ta biết.
- Hay là ...
- Nàng có ý gì sao ?

(...)

- Chàng thật sự muốn rời cung thành đi tìm điều đó sao ?
- Ta thật sự muốn đi tìm cách diệt trừ sự khổ, Da Du Đà La à.

(...)

- Chàng ... thật sự muốn ... đi ... sao ? Giọng của Da Du Đà La như là thẳng thốt.
- Ta không còn mong muốn gì hơn.
- Sao ? Chàng ... chàng ... không còn mong muốn gì hơn sao ? Giọng của Da Du Đà La thật sự thẳng thốt.

- Da Du Đà La, ý của ta là ...
- Thôi, chàng đừng nói nữa ... Da Du Đà La khẽ xoa bàn tay bỗng dung trắng bệch.

(...)

- Thiếp có cách cho chàng ...
- Thật vậy sao ?

Da Du Đà La lẳng lẳng bỏ về phòng.

Ngày hôm sau, nửa đêm, trăng tròn, có hai bóng người, dắt tay con ngựa làm lủi đi về phía cổng thành ...

- Ai, đứng lại ! Tiếng binh lính gác cổng lờng lờng trong đêm.
- Ta đây. Một bóng đen cỡi mũ trùm đầu, lộ ra công chúa Da Du Đà La.
- Bẩm công nương, tại hạ tội chết ! Người lính sau khi nhìn thấy Da Du Đà La, giật mình, quỳ mọp.
- Đây là người ta nhờ mang lá thư về gấp cho phụ vương của ta !
- Dạ, thưa công nương. Mở cửa thành !
- Mở cửa thành ! Giọng một người lính khác lập lại.

Khi Cửa thành vừa hé, bóng đen kia, nhảy thót lên lưng ngựa, ngay lập tức phi nước đại.



Da Du Đà La đứng chôn chân, dán mắt vào cánh cửa thành đã đóng chặt ...

Năm ấy, Da Du Đà La và Tất Đạt Đa đều tròn hai mươi chín tuổi.

Sau này, khi Tất Đạt Đa đã thành Phật, một lần Phật về thăm phụ vương và Da Du Đà La, nàng đã xin Phật cho mình xuất gia, Phật đồng ý để nàng về tu viện với dì mẫu Kiều Đàm Di.

Da Du Đà La đứng đầu những vị đã chứng đắc đại thân thông (Maha Abhinna). Bà trụ thế bảy mươi tám năm, đắc quả A La Hán ngay trong đời.

Dì mẫu Kiều Đàm Di, chăm sóc Tất Đạt Đa từ khi lọt lòng mẹ, sau này, khi Tất Đạt Đa đã thành Phật, bà là người phụ nữ đầu tiên xin Phật xuất gia.

Phật không đồng ý bởi Ngài dẫn đo ... thời Mạt pháp thay vì sẽ đến sau một ngàn năm, để cho các Thích nữ vào tăng đoàn, thời Mạt pháp sẽ đến sớm hơn năm trăm năm.

A Nan, một trong mười đại đệ tử của Phật nhìn bà Kiều Đàm Di nhin ăn, quỳ gối đến

rướm máu, nhất định không đứng dậy, động lòng, khẩn cầu Phật ...

Cuối cùng ... Phật đồng ý. Tuy nhiên, giới luật dành cho Tỳ kheo là hai trăm năm mươi điều không được làm, với Tỳ kheo ni, giới luật lên đến ba trăm bốn mươi tám điều.

Bà Kiều Đàm Di cũng đã đắc quả A La Hán ngay trong đời.

000

Tất Đạt Đa ngồi trên lưng con Kiền Trắc (Kanthaka), một con ngựa dũng mãnh, phi nước đại, không nghỉ. Cho đến khi người và ngựa thấm mệt, Tất Đạt Đa biết mình đã cách hoàng cung rất xa, chàng và con ngựa quý dừng chân, cùng đi dạo bên một bờ sông thơ mộng.

Tất Đạt Đa chọn một chỗ thoáng đãng sạch sẽ, tháo cái túi vải nhỏ trên người, mở ra ...

"Da Du Đà La, nàng thật chu đáo !", Tất Đạt Đa bật thốt lên. Trong túi vải nhỏ có bọc tiền vàng, số tiền mà cả đời người dân hằng mơ ước, một bình nước, một ít bánh để lót dạ dọc đường.

" Da Du Đà La, ta sẽ làm theo những gì Bà La Môn làm: đi khất thực. Số tiền này ta phân phát cho dân nghèo", Tất Đạt Đa nói

một mình. Chàng vừa nhắm một ít nước, loại nước được nấu từ rất nhiều loại thảo dược, vừa dỗi mắt nhìn con ngựa quý cũng đang nhả nha gặm từ một vạt cỏ non xanh.

"Một con tuấn mã thông minh", Tất Đạt Đa thầm nghĩ. Chàng bần khoản, không biết sẽ phải xử lý với nó thế nào ...

Tất Đạt Đa khẽ vỗ vỗ đôi tay, con Kiền Trắc ngẩng đầu nhìn, rồi chậm rãi đến cạnh bên.

"Chúng ta phải chia tay thôi !". Kiền Trắc cúi đầu.

"Kiền Trắc, còn nhớ đường về phải không?". Kiền Trắc gục gặc.

"Chúng ta phải chia tay thôi !" . Kiền Trắc đứng yên.

Tất Đạt Đa phải đến sát bên, vỗ một cái thật mạnh vào cái chân trước của nó, ra lệnh: "Đi nhanh !". Kiền Trắc bước lùi vài bước, quay đầu, cật vó, hí lên một tiếng vang động rồi lao về phía trước ...

000

Tất Đạt Đa mua vài tấm áo cà sa màu nâu sòng. Áo cà sa, đó là loại áo dành cho người dân nghèo, nó được chập vá từ rất nhiều mảnh vải vụn đủ màu và đủ loại vải. Người ta đem cái áo tạp nham ấy nhuộm thành một màu nâu sòng hoặc màu vàng. Màu nâu

sòng hoặc màu vàng, vào thời ấy, đó là hai loại màu không được giới quý tộc ưa chuộng. Giới quý tộc thích màu xanh da trời, màu nõn chuối hoặc màu hồng, màu tím. Ấy vậy mà, chỉ thời gian ngắn, sau khi Bồ Tát Tất Đạt Đa thành Phật, chiếc áo cà sa trở thành một biểu tượng thiêng liêng.

Tất Đạt Đa cạo râu, tóc. Choàng vào người tấm y nâu sòng, trở thành con người khác hẳn. Trở lại bờ sông, giờ Tất Đạt Đa đã biết con sông có tên là A nặc mã (Anomà), chàng thả bộ quần áo quý tộc vào dòng nước. Bộ quần áo chìm dần, kết thúc quãng đời vương giả.

Tất Đạt Đa bắt đầu cuộc sống của các tu sĩ Bà La Môn. Hàng ngày đi khất thực, bạ chỗ nào ngủ chỗ ấy. Số tiền vàng mà Da Du Đà La gởi cho, Tất Đạt Đa đem phân phát hết cho người nghèo.

"Phải tìm thầy để học", Tất Đạt Đa nghĩ.

Người thầy đầu tiên Tất Đạt Đa tìm đến đó là vị danh sư nổi tiếng Alara Kalam. Với vị thầy đầu tiên này, Tất Đạt Đa nhanh chóng đạt mức Thiên Vô sở hữu xứ. Một mức thiên mà khi nhập định, Tất Đạt Đa thấy tràn ngập niềm vui sướng, hạnh phúc.

Thế nhưng, sau khi xả thiền, niềm vui sượng, hạnh phúc biến mất. Thầy Alara Kalam, chỉ được đến vậy.

Thật thất vọng.

Tất Đạt Đa tìm đến vị danh sư lẫy lừng khác, Ngài Uddaka Ram. Với vị thầy thứ hai này, Tất Đạt Đa cũng nhanh chóng đạt mức Thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đây là mức thiền cao nhất. Mức thiền này khi nhập định, Tất Đạt Đa thấy tràn ngập niềm an lạc, thanh tịnh - điều mà cõi nhân gian này, với người đời thường, không thể nào cảm nhận được.

Thế nhưng, sau khi xả thiền, niềm an lạc, thanh tịnh cũng biến mất. Tất Đạt Đa lại cũng trở về con người Tất Đạt Đa trước đó.

Đó không phải điều Tất Đạt Đa đi tìm. Điều Tất Đạt Đa mong muốn đạt được, là chấm dứt: sanh, khổ vì sanh; già, khổ vì già; bệnh, khổ vì bệnh; chết, khổ vì chết.

Tất Đạt Đa quyết định đi tìm bằng con đường tu khổ hạnh. Thời bấy giờ, "Tu khổ hạnh" đã là một trào lưu "thời thượng" của các giới tu hành. "Tu mà không khổ hạnh thì đừng nói đến chuyện tu".

Tất Đạt Đa dán thân vào con đường rất đáng sợ này ...

Sau này, Ngài nói về quãng thời gian hãi hùng ấy với người có tên là Aggivessana:

*Này Aggivessana, rồi Ta tự suy nghĩ: "Ta hãy giảm thiểu tối đa ăn uống, ăn ít, từng giọt một, các loại súp hoặc đậu xanh, hoặc đậu đen hoặc đậu hạt hoặc đậu nhỏ".*

*Và này Aggivessana, trong khi Ta giảm thiểu tối đa sự ăn uống, ăn từng giọt một, thân của Ta trở thành hết sức gầy yếu, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đọt cây leo khô héo; bàn chân của Ta trở thành như móng chân con lạc đà; các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của nhà sàn hư nát; hai con ngươi của Ta như hai ánh nước long lanh nằm trong hai cái lỗ giếng sâu hoắm; da đầu Ta trở thành nhăn nhu khô cằn như trái bí non, bị cắt lìa, đem ra phơi nắng.*

*Này Aggivessana, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì các lông, tóc hư mục rụng khỏi thân Ta ...".*

*Lại nữa, này Aggivessana, có người thấy vậy nói như sau: "Sa môn Cồ Đàm có da đen". Một số người nói: " Sa môn Cồ Đàm,*

*có da màu xám". Một số người nói: " Sa môn Cô Đàm có da màu vàng nghệ".*

Đó là một thân hình tiêu tụy đến mức suýt chết.

Sau sáu năm ròng rã tu khổ hạnh, Tất Đạt Đa nhận ra, Ngài đã đi đến ranh giới tận cùng của sự tu khổ hạnh, cũng là ranh giới tận cùng của sự sống và cái chết. Song, những gì mong muốn là không bao giờ đạt được.

Tất Đạt Đa trở lại với việc khát thực, ăn uống bình thường.

Một hôm, Tất Đạt Đa nhớ lại, khi còn là đứa trẻ, trong một buổi phụ vương làm lễ cày ruộng, Tất Đạt Đa không biết làm gì, đến ngồi dưới bóng mát cây Diêm phù đề (jambu). Cậu bé Tất Đạt Đa bồng sữa thê, thành tọa thiền, rồi ngay sau đó nhập định, chứng Sơ thiên.

"Ta có thể chọn cách này", Tất Đạt Đa nghĩ . Bắt đầu từ đây, cho đến hết hành trình bốn mươi chín ngày, Tất Đạt Đa thực hiện cách tu tập riêng của mình.

Sau khi đi khát thực về, Tất Đạt Đa thường đến bờ sông Nairanjana (Ni liên thiên, hiện

nay là sông Phalgu) ngồi thiền định trên bãi cát. Hoặc cũng có khi Tất Đạt Đa ngồi thiền định dưới gốc cây cổ thụ Ni câu đà.

Thời gian này, có những người như Tu Xà Đề (Sujata), con ông trưởng làng Senani, mang cháo sữa (kheer) đến cúng dường; hay như hai cháu bé chăn bò Nan đà (Nanda) và Ba Lạp (Balap) nấu sữa bò mang đến ... Nhờ vậy, Tất Đạt Đa không mất nhiều thời gian cho việc đi khát thực.

Trong thời gian tập trung tu tập quyết liệt này, Ma vương không muốn ông đắc đạo, đã quấy nhiễu bằng nhiều phương thức, nhưng cuối cùng là thất bại. Ba cô con gái của ma vương là Ái Dục (Tanhā), Bất Mãn (Aratī) và Tham Vọng (Ragā) tiếp sức Ma vương, biến thành ba nàng tiên tuyệt đẹp để quyến rũ, nhưng tất cả cũng đều thất bại.

Đến ngày thứ bốn mươi chín, Tất Đạt Đa chọn chỗ khác, đi đến cội Bồ đề ở Bồ đề Đạo Tràng hay Bồ Đề Già Da (Bodh Gaya) và phát nguyện rằng: Ngài sẽ nhập định không rời chỗ ngồi cho đến lúc đắc đạo, không đứng lên cho đến khi tìm ra nguyên nhân và cách diệt trừ nguyên nhân của sự Khổ.



Đêm ngày thứ bốn mươi chín, Tất Đạt Đa đạt được Lưu Tận Thông, hoàn tất được đầy đủ bộ Lục thông. Bộ Lục thông gồm: thứ nhất, *Thiên nhĩ thông* – đó là sự nhận biết đầy đủ và chân thực về Đại thiên thế giới, trong đó có: thế giới Địa Ngục ; Ngạ Quỷ ; Súc Sinh ; loài Người ; A-Tu-La và thế giới Thiên ; thứ hai, *Thiên nhĩ thông* – đó là nghe được tất cả Đại thiên thế giới ; nghe được tiếng nói của muôn loài chúng sanh ... ; thứ ba, *Tha tâm thông* – là hiểu biết được tâm niệm, tư tưởng của tất cả muôn loài chúng sanh ; thứ tư, *Túc mạng thông* – là biết rõ quá khứ, hiện tại và vị lai của tất cả muôn loài chúng sanh ; thứ năm, *Thần túc thông* – là có được các pháp thần thông biến hóa tự tại ; cuối cùng là *Lưu tận thông* – đó là việc trừ sạch hết phiền não, đạt đến cứu cánh giải thoát – Niết Bàn . Nhờ có những nền tảng, phương tiện vật chất này – trí tuệ Phật tỏa sáng rực. Sự biết, sự hiểu của Ngài thấu đạt vô cùng vô tận.

Tất Đạt Đa đạt quả đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngày mùng tám, tháng chạp âm lịch, năm: năm trăm tám mươi chín, trước Công nguyên, ở tuổi ba mươi lăm, Bồ Tát Tất Đạt Đa thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Sau này, Phật kể lại về đêm thứ bốn mươi chín trọng đại của đời mình:

*"... Sau khi hoàn lại sinh lực (sau khi tu khổ hạnh vô ích), ta chú tâm giải thoát khỏi những tư tưởng tham ái, bất thiện và đạt được sơ thiên, sau đó nhị thiên, tam thiên và tứ thiên, nhưng những cảm giác hỉ lạc này không để lại dấu vết gì trong tâm ta.*

*Khi tâm ta được an tịnh, thanh lọc, không bị dục vọng cấu uế, nhay bén, chắc chắn, bất động, ta hướng nó về những ký ức và nhận thức về các kiếp trước. Ta nhớ lại nhiều tiền kiếp, một, hai, ba, bốn, năm..., trăm ngàn kiếp ... thế giới nơi ta đã sống, tên của ta đã như thế, gia đình của ta là như thế, nghề nghiệp của ta, giai cấp xã hội của ta ... Ta đã chết như vậy, như vậy ... Sự hiểu biết đầu tiên này, ta đạt được trong canh đầu.*

*Sau đó ta chú tâm đến sự sinh thành và hoại diệt của chúng sinh. Với con mắt siêu việt, vượt qua mọi giới hạn nhân thế, ta thấy chúng sinh hình thành và tiêu hoại như thế nào ... Chúng sinh đã tái sinh theo nghiệp lực.*

*Ta nhận ra: chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, qua ba ả thân, khẩu, ý - sau khi chết, đều tái sinh trong đọa xứ, địa ngục.*

*Các chúng sinh tạo thiện nghiệp, bằng thân, khẩu, ý - sau khi chết, được lên cõi thiên, được tái sinh trong thiện đạo ...*

*Sự hiểu biết thứ hai này ta đã đạt được trong canh hai.*

*Sau đó ta chú tâm nhận thức về sự tiêu diệt các lậu hoặc và nhận ra sự thật:*

*Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là phương pháp tiêu diệt khổ, đây là con đường tiêu diệt khổ.*

*Khi ta nhận thức được điều này, tâm ta thoát khỏi dục vọng, ham muốn, vô minh.*

*Ta đã hiểu ra chân lý: Tái sinh ta đã đoạn, cuộc sống tu tập của ta đã hoàn tất, ta đã hoàn thành những gì phải làm. Cuộc sống (khổ đau) này, vĩnh viễn, ta đã vượt qua ...*

*Sự hiểu biết thứ ba này ta đã đạt được trong canh ba" .*

000

Kể từ đây, trong vỏ bọc con người thật bình thường, đã là một đấng Giác Ngộ.

Bốn mươi chín ngày tiếp theo, không ăn uống gì, Phật ngồi lặng lẽ dưới gốc cây Bồ

đề quán chiếu tâm chúng sanh. Ngài suy nghĩ:

*Giáo pháp mà Ta đã chứng ngộ là vi diệu thâm sâu, người đời sẽ rất khó nhận thức, rất khó lãnh hội.*

*Giáo pháp mà Ta đã chứng ngộ, không thể thực chứng bằng các giác quan đời thường; không nằm trong phạm vi lý luận của đời thường.*

*Giáo pháp mà Ta đã chứng ngộ, rất tế nhị, chỉ có bậc hiền thánh mới thấu hiểu.*

*Nếu truyền dạy giáo pháp này, e rằng đại chúng không hiểu.*

*Nếu truyền dạy giáo pháp này, e rằng sẽ thật hoài công !*

Đến khi đó, Phạm Thiên (Sahampati), biết được điều Phật không định truyền đạo pháp cho loài người, Ngài đã từ cõi trời hạ thế, đến trước Phật, đánh lễ, nói:

*"Phạm Thiên nhận ra, trong cõi Ta Bà này, không ít người tạo việc lành, có thể được hóa độ thành bậc Thánh ...".*

Phạm Thiên, là vua trời tối cao Thiên giới . Trong tiền kiếp, Phạm Thiên là bạn của Jotipala. Jotipala chính là tên gọi khác của Tất Đạt Đa vào đời Phật Ca Diếp.

Lời nói của Phạm Thiên giúp Phật Thích Ca Mâu Ni quyết định mang giáo pháp của Ngài đến với loài người.

Kể từ đây, loài người hết sức may mắn, khi tại ngay trần thế, có một đấng Phật ra đời. Cũng kể từ đây, loài người đặc biệt may mắn, khi vị Phật ấy mang giáo pháp vi diệu, thậm thâm truyền dạy cho mình.

000

Một hôm, Phật Thích Ca Mâu Ni đang ngồi dưới gốc cây Bồ đề, có hai thương gia người Miến Điện tên Tapassu và Bhallika từ Ukkala (hiện nay là Orissa) đến. Hai thương gia dâng cúng dường Phật bột rang và mật ong.

Phật nhận lãnh, rồi khuyên hai thương gia này quy y Phật và quy y Pháp, thọ trì Năm giới.

Hai thương hết sức vui mừng, cúi xin Phật thu nhận vào hàng thiện tín (Upāsaka, nam cư sĩ).

Hai thiện tín đầu tiên này đã quy y Nhị Bảo: Phật và Pháp, (khi đó chưa có Tăng), đó là hai vị Phật tử tu Tại gia đầu tiên của loài người.

Sau khi đã được Đức Phật ban pháp quy y và truyền Năm giới (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu, không nói dối), hai vị thương gia còn được Phật tặng tám sợi tóc. Phật nói:

*"Sau khi Như Lai nhập diệt, xứ sở các ông sẽ thịnh hành giáo pháp diệt khổ nhiều ngàn năm".*

Hai vị thương gia cung kính nhận lãnh, lạy tạ, rồi mang vật thể từ thân Phật, về Miến Điện, xây tháp thờ.

Hiện nay, Phật giáo là quốc giáo của Miến Điện, tám sợi tóc được giữ gìn cẩn thận trong bảo tháp của chùa Shwedagon tại thủ đô Ngưỡng Quang (Rangoon), được người Myanmar xem đó là quốc bảo.

Vào một ngày trăng rằm, hai tháng sau khi thành đạo, Phật đến gặp năm anh em ngài Kiều Trần Như (Kondañña), bắt đầu bài thuyết pháp đầu tiên, mở đầu trong công cuộc bốn mươi lăm năm hoàng pháp của Phật.

Năm anh em ngài Kiều Trần Như vốn là những người đồng hành cùng cùng Phật trong thời gian tu khổ hạnh. Khi Phật rời bỏ con đường sai lầm ấy, năm anh em ngài

Kiều Trần Như đã tỏ thái độ hết sức giận giữ  
...

Trước đó, Phật đã định tìm đến hai vị thầy của mình: Alara Kalam và Uddaka Ramputta, nhưng cả hai đều đã qua đời.

Khi nghe tin ngài đến gặp, năm anh em ngài Kiêu Trần Như bàn với nhau và quyết định không đón tiếp Ngài.

Nhưng, khi Đức Phật đến nơi, chẳng hiểu sao, cả năm anh em ngài Kiêu Trần Như đều vồn vã đón tiếp nồng nhiệt.

Sau đó Phật thuyết về Trung Đạo (Madhyama Marga). Cả năm anh em ngài Kiêu Trần Như lắng nghe, nuốt từng lời ... Rồi chính họ yêu cầu Phật thêm và giảng sâu hơn ...

Phật giảng về Giới đạo, sau này là Ngũ giới luật dành cho người tu tại gia. Cả năm anh em ngài Kiêu Trần Như lắng nghe, nuốt từng lời ... Rồi chính họ yêu cầu Phật giảng thêm và giảng sâu hơn ...

Rồi ... Phật giảng về Tứ diệu đế.

Rồi ... Phật Giảng về Bát Chánh Đạo.

Rồi ... Phật Giảng về Luân hồi, Duyên khởi.

Rồi ... Phật Giảng về các quy luật: Nhân quả, Vô ngã, Vô thường.

Những bài giảng đầu tiên này, sau gọi là "Chuyển Pháp luân". Năm anh em ngài Kiều Trần Như sau đó đều đạt quả vị A La Hán.

Phật Thích Ca Mâu Ni hay còn gọi với những tên: Chánh Biến Tri, Điều Ngự Trượng Phu, Minh Hạnh Túc, Như Lai, Phật, Thế Gian Giải, Thế Tôn, Thiên Nhân Sư, Thiện Thệ, Ứng Cúng, Vô Thượng Sĩ - sau Bốn mươi lăm năm hoằng pháp, tùy vào đối tượng, Ngài đã giảng dạy với những tầng bậc khác nhau - cho dù đó là cùng đề tài hoặc cùng một chủ đề. Số kinh (các thuyết pháp) Phật Thích Ca Mâu Ni đã để lại cho nhân thế, lên đến hàng chục ngàn kinh. Những kinh này, đã được các đệ tử Phật ghi chép thành "Kinh tạng"; "Luật tạng" và "Luận tạng" gọi là "Tam Tạng Kinh Điển".

Ngày nay, những Lời Phật, đã thành hệ thống Triết Học. Triết học Phật là triết học vị nhân sinh. Triết học Phật là triết học đã phản ánh được các quy luật tự nhiên, khách quan. Triết học Phật là triết học phản ánh được đúng bản chất của mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội. Triết học Phật là triết học của chân lý và đó là chân lý đích thực.



Vào mùa mưa năm tám mươi tuổi, Phật Thích Ca đã dự đoán trước rằng Ngài sẽ nhập diệt sau ba tháng nữa.

La Hầu La là người con duy nhất của Thái Tử Tất Đạt Đa và công nương Da Du Đà La.

Năm chín tuổi, La Hầu La được tôn giả Xá Lợi Phất (śāriputra) đưa vào Tăng-già . La Hầu La là một trong thập đại đệ tử của đức Phật, được mệnh danh là "Mật hạnh đệ nhất" (Mật hạnh là việc làm thiện hạnh giữ kín không tiết lộ). Năm hai mươi tuổi, La Hầu La chứng đạo quả A La Hán.

Vào những ngày cuối cùng Phật tại thế, đầu là bậc La Hán, nhìn Phật trên giường bệnh, La Hầu La vẫn không thể không đau đớn ...

La Hầu La nghĩ : " Ta đâu có cam lòng nhìn thấy đức Thế Tôn nhập Niết bàn ?!" . Nghĩ như vậy, La Hầu La dùng phép thần thông, đi về hướng Đông Bắc, đến thế giới Ma Li Chi, có đức Phật Nan Thắng đang tại thế giáo hóa.

Khi gặp Phật Nan Thắng, La Hầu La òa khóc. Phật Nan Thắng nói:

“Này La Hầu La! Không có gì phải đau buồn. Hợp, tan, các Pháp đều vậy. Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đang nằm nghiêng về phía hông bên phải, tại rừng ta la Song Thọ, sau nửa đêm, sẽ nhập vô dư Niết Bàn. Hãy mau trở về, phụ vương đang đợi”.

"Con - không - cam - lòng - nhìn ... nhìn - phụ - vương - nhập - Niết - Bàn", La Hầu La đáp lời trong tiếng nấc nghẹn. Nói xong, La Hầu La dùng phép thần thông đi lên phương Trên, đến thế giới thứ một trăm, nơi Phật hiệu Thương Chủ, hiện đang tại thế giáo hóa.

Gặp mặt Phật Thương Chủ, La Hầu La đánh lễ trong tức tưởi. Phật Thương Chủ nói:

" La Hầu La, đừng đau buồn nữa ! Không có lẽ chết mà nếu được không chết" .

" La Hầu La, Chỉ một lẽ duy nhất là không sinh".

"Về mau, phụ vương đang đợi".

Lần này, La Hầu La sực tỉnh, trở về rừng ta la Song Thọ, ngoại ô thành Câu Thi Na, thuộc lãnh thổ trị vì của bộ tộc Lục Sĩ, quỳ mọp dưới chân Phật nghẹn ngào ... Phật nói:

“Này La Hầu La ! Chớ nên buồn, những gì cần làm cho một người con, Như Lai đã làm xong”.

"La Hầu La ! Hôm nay Như Lai nhập Niết Bàn, không còn làm cha của ai nữa; thầy cũng sẽ nhập Niết Bàn, cũng không còn làm con của ai nữa".

"Như Lai và thầy có đủ hai đặc điểm: không gây não loạn và không gây oán cừu.”

Phật nói với các Tỳ kheo đang vây quanh:

“Này các đệ tử, tất cả pháp hữu vi đều vô thường. Hãy tinh tấn, chớ sống buông lung”.

Nói xong, Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn vào ngày rằm, tháng hai, năm: năm trăm bốn mươi bốn trước Công nguyên, giữa cánh rừng ta la, bên bờ sông Hiranyavati thuộc Kushinagar.

**P.T.C**

TP. HCM

20.11.2023